

Bản án số: **78/2025/HS-ST**
Ngày: 28/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có (Tại điểm cầu trung tâm):

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Trần Vĩnh; Bà Nguyễn Thị Thắng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án;

- Thư ký hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại Điểm cầu thành phần: Ông Trần H - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trần Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại các Điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội (Cơ sở 2) và Điểm cầu thành phần: Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai phiên tòa trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 55/2025/TLST-HS ngày 08/8/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HS ngày 15/8/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn G; **Sinh năm:** 1987; Tên gọi khác: Không; **Giới tính:** Nam; **Nơi đăng ký HKTT:** Xóm V, xã L, huyện P, nay là xã K, tỉnh T; **Nghề nghiệp:** Lao động tự do; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Văn hóa:** 12/12; **Con ông:** Nguyễn Văn N; **Con bà:** Nguyễn Thị C; **Gia đình Bị cáo có 05 chị em, Bị cáo là con thứ 05; Vợ:** Đồng Thị Tình; **Bị cáo có 02 con sinh (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Trích lục tiền án, tiền sự:** Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 15/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội.

Bị hại:

1. Chị Cao Thị H; Sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tiểu khu 1, thị trấn I, huyện M, nay là xã S, tỉnh S;

2. Chị Hồ Hồng V; Sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 17, phường N, thành phố T, tỉnh N; Địa chỉ nơi ở: Số 77, ngách 8/11/36 L, tổ dân phố số 5, phường P, quận N, nay là phường T, thành phố H;

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Các Bị hại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Văn G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. G sử dụng các tài khoản mạng xã hội Facebook “Sữa Bao Nam”, “Sile BanhKeo”, tài khoản Zalo “C Hiền 0862706828” vào các Hội nhóm mua bán hàng trên Facebook, tìm thông tin các sản phẩm đang bán trong nhóm rồi đóng giả người bán để liên hệ với người có nhu cầu mua hàng. G hứa hẹn với người mua sẽ bán hàng cho họ với giá rẻ hơn thị trường để người mua tin tưởng và đồng ý mua hàng. Tiếp đó, G đóng vai người mua hàng, liên hệ với người bán yêu cầu họ giao hàng đến địa chỉ của người mua (trước đó đã liên hệ), G yêu cầu người bán không cung cấp giá bán hàng cho người mua biết để tránh bị lộ. Khi người bán giao hàng đến chỗ người mua thì G đóng vai người bán yêu cầu người mua chuyển tiền cho G vào tài khoản số 8200205261352 của G tại Ngân hàng A sau đó chiếm đoạt số tiền này và chặn liên lạc với người mua. Với thủ đoạn như vậy, G đã thực hiện lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Cao Thị H1 (Sinh năm 1991; HKTT: Tiểu khu A, thị trấn Í, huyện M, tỉnh Sơn La) và chị Hồ Hồng V (Sinh năm 1989; HKTT: Tổ G, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 27/6/2023, G vào mạng xã hội đóng vai người bán, vào Hội nhóm “Hội bán dầu ăn” đăng bài bán dầu ăn giá 480.000 đồng/thùng thì chị Cao Thị H1 thấy bài đăng của G nên sử dụng tài khoản Facebook “Hue Cao” liên hệ với G đặt mua 13 thùng dầu ăn với tổng số tiền là 6.240.000 đồng, thỏa thuận giao hàng đến địa chỉ số D ngách A đường H, Q (nay là phường B, Hà Nội). Sau khi thỏa thuận với chị H1, G tìm một đơn vị bán hàng dầu ăn trên mạng xã hội Facebook (hiện không xác định được) đặt 13 thùng dầu ăn chuyển đến địa chỉ trên cho chị H1. Ngày 28/6/2024, người bán giao hàng đến địa chỉ trên và báo cho G biết nên G yêu cầu chị H1 thanh toán tiền hàng cho G. Chị H1 lúc này đang ở bến xe M, phường T, thành phố Hà Nội biết dầu ăn đã được giao đến cho mình nên tin tưởng đã sử dụng tài khoản số 7905205012037 của mình tại Ngân hàng A chuyển thanh toán số tiền 6.240.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) đến tài khoản số 8200205261352 của G tại Ngân hàng A. Đến 17 giờ cùng ngày, ông Cao Văn Q (Sinh năm 1970; HKTT: Xã M, tỉnh Sơn La, là bố đẻ chị H1) gọi báo lại với chị H1 là bên giao hàng do chưa nhận được tiền nên yêu cầu trả lại hàng, lúc này chị H1 liên hệ lại với G nhưng không liên lạc được do G đã chặn liên lạc với chị H1. Số tiền chiếm đoạt được G đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 22/4/2025, Chị H2 biết được thông tin Công an thành phố H đã bắt được đối tượng lừa đảo sử dụng tài khoản “Sữa Bao Nam” hoạt động trên Hội nhóm Facebook “Hội bán dầu ăn” nên chị H2 đến Công an thành phố H trình báo sự việc bị Nguyễn Văn G lừa đảo như trên (trước đó chị H2 chỉ đăng cảnh báo trên trang Facebook, chưa trình báo cơ quan Công an).

Vụ thứ hai: Ngày 19/02/2024, Nguyễn Văn G vào mạng xã hội thấy chị Hồ Hồng V dùng tài khoản Facebook “An Nhiên” đăng bài muốn mua dầu ăn túi

(bịch) số lượng lớn trong Hội nhóm “Hội bán dầu ăn” nên G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị V. G thấy tài khoản Facebook “Công ty T2” đang bán dầu ăn giá 470.000 đồng/thùng nên G sử dụng tài khoản Facebook “Sile Banhkeo” và tài khoản Zalo “Cường H3 0862706828 dầu ăn” để đóng vai người bán và liên lạc với chị V báo giá mỗi thùng dầu ăn 452.000 đồng (*re hơn giá bán của Công ty T2*). Chị V thấy G bán rẻ nên đã thỏa thuận mua của G 100 thùng dầu ăn và yêu cầu G giao hàng đến kho hàng của chị V tại địa chỉ số A thị trấn Y, tỉnh Hưng Yên. Sau đó, G đóng vai người mua để liên hệ với tài khoản Facebook “Công ty T2” của Công ty TNHH K, Thực Phẩm B do anh Dương Đình C1 (*Sinh năm 1972; Nơi thường trú: thôn Ô, thị trấn Y, nay là xã Y, tỉnh Hưng Yên là quản lý*) đặt mua 100 thùng dầu ăn với giá 470.000 đồng/thùng và yêu cầu giao đến số A thị trấn Y, tỉnh Hưng Yên. G sử dụng tài khoản số 8200205261352 của G tại Ngân hàng A chuyển 1.000.000 đồng đến tài khoản số 1019325589 mang tên CT TNHH KD TM LƯƠNG THUC, TP BAO CHI tại ngân hàng V1 để đặt cọc cho anh Dương Đình C1. Ngày 22/02/2024, anh Dương Đình C1 chở 100 thùng dầu ăn đến địa chỉ số A thị trấn Y, tỉnh Hưng Yên với mục đích giao hàng theo thỏa thuận. Khi anh C1 giao hàng đến thì chị V nhờ chị Ngô Thị Huyền T (*Sinh năm 1992; Nơi thường trú: B, nay là phường H, thành phố Hà Nội*) làm việc với anh C1 để kiểm tra hàng và nhận hàng. Chị T kiểm hàng và báo với chị V đủ 100 thùng dầu ăn. Lúc này, G nhắn tin yêu cầu chị V chuyển tiền hàng cho G. Chị V lúc này do nghĩ rằng G đã giao hàng đủ cho mình nên khoảng 14 giờ 04 phút cùng ngày 22/02/2024, tại số G ngõ H, tổ E, P (nay là phường T, thành phố Hà Nội) chị V đã sử dụng tài khoản số 190346020018 của mình tại Ngân hàng T3 chuyển thanh toán số tiền 45.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*) đến tài khoản số 8200205261352 của G tại Ngân hàng A. Sau khi nhận được tiền, G đã chặn liên lạc với anh Dương Đình C1 và chị V. Đến 14 giờ 21 phút cùng ngày, anh C1 do không nhận được tiền hàng và biết đã bị lừa nên đã yêu cầu chị V trả lại hàng, lúc này chị V liên hệ lại với G nhưng không liên lạc được do G đã chặn liên lạc. Số tiền chiếm đoạt được G đã chi tiêu cá nhân hết. Cùng ngày, chị V đến Công an quận N trình báo sự việc.

Ngày 15/4/2025, Nguyễn Văn G đến Cơ quan Công an đầu và tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, lắp 01 sim, đã qua sử dụng, để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 10/5/2025, Anh Dương Đình C1 đã giao nộp Cơ quan Công an số tiền 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*) là tiền G đã đặt cọc ngày 21/02/2024. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn G đã khai nhận hành vi phạm tội của G như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình G đã tự nguyện bồi thường cho chị Cao Thị H1 6.240.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Hồ Hồng V 45.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*). Chị H1 và chị V đã nhận bồi thường

thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn G.

Tại Cáo trạng số: 55/CT-VKSKV4 ngày 07/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội truy tố Bị cáo Nguyễn Văn G về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn G thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội truy tố Bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được sớm về với gia đình.

Luận tội của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Nguyễn Văn G, đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Nguyễn Văn G về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo G trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho các Bị hại, các Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo phạm tội 02 lần nên Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo Nguyễn Văn G từ 26 đến 30 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình Bị cáo G đã tự nguyện bồi thường cho chị Cao Thị H1 6.240.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Hồ Hồng V 45.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*). Chị H1 và chị V đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước công cụ phạm tội của Bị cáo G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, lắp 01 sim, đã qua sử dụng (*Tạm giữ của Bị cáo G*) và số tiền 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*) là tiền do Bị cáo phạm tội mà có (*Do anh Dương Đình C1 giao nộp tại Cơ quan Công an ngày 10/5/2025*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo Nguyễn Văn G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các Bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 02/2024, Nguyễn Văn G do không có việc làm, không có thu nhập ổn định đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn vào mạng xã hội và sử dụng tài khoản Facebook “Sile Banhkeo” và tài khoản Zalo “Cường H3 0862706828 dầu ăn” đóng giả người bán hàng bán dầu ăn với giá rẻ hơn thị trường để người mua tin tưởng đặt mua hàng sau đó G giả làm người mua hàng liên hệ với người bán hàng chuyển hàng đến giao cho các Bị hại và yêu cầu chuyển tiền thanh toán hàng vào tài khoản số 8200205261352 của G tại Ngân hàng A, sau đó chặn liên lạc với người mua và người bán để chiếm đoạt số tiền đã chuyển vào tài khoản của G. Bằng thủ đoạn trên G đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 vụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 05 phút ngày 28/6/2023, tại bến xe khách M, quận N, nay là phường T, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn G đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Cao Thị H1 số tiền 6.240.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*);

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 22/02/2024, tại số G ngõ H L, tổ dân phố số E, phường P, quận N, nay là phường T, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn G đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Hồ Hồng V số tiền 45.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*);

Tổng số tiền Nguyễn Văn G đã chiếm đoạt 02 vụ nêu trên là 51.440.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*);

Bị cáo G đã khai nhận tội. Hậu quả đã được khắc phục, gia đình Bị cáo G tự nguyện bồi thường cho chị Cao Thị H1 6.240.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Hồ Hồng V 45.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*). Chị H1 và chị V đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Nguyễn Văn G đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội đã truy tố Bị cáo Nguyễn Văn G về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi của Bị cáo Nguyễn Văn G là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo G phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, Bị cáo G phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy Bị cáo G trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội Bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các Bị hại, các Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo nên Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo phạm tội 02 lần nên Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo G đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ;

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo Nguyễn Văn G từ 26 đến 30 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo G có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức hình phạt đối với Bị cáo thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên cũng là bài học để Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy gia đình Bị cáo G đã tự nguyện bồi thường cho chị Cao Thị H1 6.240.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Hồ Hồng V 45.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng*). Chị H1 và chị V đã nhận bồi thường thiệt hại, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước công cụ phạm tội của Bị cáo G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, lắp 01 sim, đã qua sử dụng (*Tạm giữ của Bị cáo G*) và số tiền 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*) là tiền do Bị cáo phạm tội mà có (*Do anh Dương Đình C1 giao nộp tại Cơ quan Công an ngày 10/5/2025*).

[7] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, các Bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng, Vì vậy, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo G phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn G 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2025.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, lắp 01 sim, đã qua sử dụng và số tiền 1.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu đồng*) là tiền do Bị cáo phạm tội mà có (*Do anh Dương Đình C1 giao nộp tại Cơ quan*

Công an ngày 10/5/2025).

(Có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 61, ngày 28/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Nội);

Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo G phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm ;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Các Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- P.Thi hành án Khu vực 4 – Hà Nội;
- Bộ phận Thi hành án HS TAND Khu vực 4 – Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy